

Công ty Cổ phần S.P.M

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần S.P.M
Thông tin Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư

4102004241

ngày 26 tháng 3 năm 2001

Giấy phép đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Đào Hữu Hoàng
Đỗ Thị Mai
Đào Hữu Khôi
Nguyễn Thế Kỷ
Huỳnh Phú Hải

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Thế Kỷ
Huỳnh Phú Hải
Văn Tất Chiến

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lô 51, Đường số 2
Khu Công nghiệp Tân Tạo
Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần S.P.M**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần S.P.M (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng sáu năm 2010. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam áp dụng cho việc soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự bảo đảm vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo ít hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, không có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng các báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*.

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác trong báo cáo tài chính đề ngày 31 tháng 3 năm 2010 trình bày ý kiến kiểm toán toàn phần. Các báo cáo tài chính này không được kiểm toán bởi chúng tôi, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin trong bảng cân đối kế toán đính kèm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ngoài ra, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 không được soát xét hoặc kiểm toán bởi chúng tôi, do đó, chúng tôi không nêu ý kiến soát xét hoặc bất kỳ bảo đảm nào về báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-168




Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 13 AUG 2010



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Công ty Cổ phần S.P.M
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		296.457.074.935	158.232.464.298
Tiền	110	3	1.685.165.442	3.184.008.783
Đầu tư ngắn hạn	120	4	126.000.000.000	380.059.000
Các khoản phải thu	130		130.046.271.247	124.410.746.155
Phải thu khách hàng	131	5	120.856.001.540	121.122.752.134
Trả trước cho người bán	132		7.877.627.697	2.170.915.099
Phải thu khác	135		1.312.642.010	1.117.078.922
Hàng tồn kho	140	6	32.613.812.483	29.395.146.284
Hàng tồn kho	141		33.067.978.064	29.849.311.865
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(454.165.581)	(454.165.581)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.111.825.763	862.504.076
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		719.452.452	265.793.845
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.050.087.098	126.598.592
Tài sản ngắn hạn khác	154		4.342.286.213	470.111.639
Tài sản dài hạn	200		558.773.460.069	320.159.326.234
Tài sản cố định	220		429.556.734.224	308.482.392.270
Tài sản cố định hữu hình	221	7	142.516.240.552	149.041.179.961
Nguyên giá	222		190.186.111.402	189.027.566.925
Khấu hao lũy kế	223		(47.669.870.850)	(39.986.386.964)
Tài sản cố định vô hình	227	8	6.850.663.778	6.059.766.647
Nguyên giá	228		8.215.416.178	7.329.976.178
Phân bổ lũy kế	229		(1.364.752.400)	(1.270.209.531)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	280.189.829.894	153.381.445.662
Đầu tư dài hạn	250	10	129.216.725.845	11.525.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		129.216.725.845	11.525.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	151.933.964
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	151.933.964
TỔNG TÀI SẢN	270		855.230.535.004	478.391.790.532

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần S.P.M**Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		317.971.639.158	235.848.419.135
Nợ ngắn hạn	310		317.812.499.438	235.680.795.915
Vay ngắn hạn	311	11	38.903.838.133	127.611.920.617
Phải thu khách hàng	312		39.381.179.635	33.079.663.057
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	9.272.672.595	4.890.875.129
Phải trả công nhân viên	315		805.951.000	1.192.555.030
Chi phí trích trước	316		1.089.720.255	608.675.060
Phải trả khác	319	13	228.359.137.820	68.297.107.022
Nợ dài hạn	330		159.139.720	167.623.220
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	159.139.720	167.623.220
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.258.895.846	242.543.371.397
Vốn chủ sở hữu	410		537.258.895.846	242.543.371.397
Vốn cổ phần	411	15	140.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	210.885.368.500	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	2c	(30.911.981)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		186.404.439.327	142.543.371.397
TỔNG NGUỒN VỐN	440		855.230.535.004	478.391.790.532

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần S.P.M

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
Tổng doanh thu	01	16	83.891.999.509	163.969.037.248	71.408.939.893	117.065.718.354
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	(3.275.414.026)	(4.167.785.386)	(1.694.069.345)	(2.743.609.243)
Doanh thu thuần	10	16	80.616.585.483	159.801.251.862	69.714.870.548	114.322.109.111
Giá vốn hàng bán	11	17	(51.682.673.398)	(100.438.564.357)	(41.997.302.924)	(69.981.327.136)
Lợi nhuận gộp	20		28.933.912.085	59.362.687.505	27.717.567.624	44.340.781.975
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.770.068.339	2.980.429.195	131.573.935	164.346.916
Chi phí hoạt động tài chính	22	19	(1.349.968.973)	(6.632.115.698)	(2.416.659.968)	(4.202.510.463)
Chi phí bán hàng	24		(4.947.555.787)	(6.950.156.810)	(3.794.813.156)	(4.199.736.348)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(1.731.784.013)	(3.488.802.758)	(2.446.244.694)	(3.604.398.475)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.674.671.651	45.272.041.434	19.191.423.741	32.498.483.605
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	20	235.845.091	387.941.302	112.661.641	156.618.773
Chi phí khác	32	21	(347.540.910)	(349.865.390)	(232.917.139)	(430.430.877)
Lợi nhuận trước thuế	50		23.562.975.832	45.310.117.346	19.071.168.243	32.224.671.501
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	22	(483.609.728)	(1.449.049.416)	(1.430.337.618)	(2.416.850.363)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		23.079.366.104	43.861.067.930	17.640.830.625	29.807.821.138
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.649	3.576	1.764	2.981

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần S.P.M**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	100.000.000.000	-	-	90.328.063.889	190.328.063.889
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.749.228.056	38.749.228.056
Cổ tức	-	-	-	(2.247.857.678)	(2.247.857.678)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2009 (Chưa soát xét)	100.000.000.000	-	-	126.829.434.267	226.829.434.267
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	100.000.000.000	-	-	142.543.371.397	242.543.371.397
Vốn góp	40.000.000.000	210.885.368.500	-	-	250.885.368.500
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	43.861.067.930	43.861.067.930
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	(30.911.981)	-	(30.911.981)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	140.000.000.000	210.885.368.500	(30.911.981)	186.404.439.327	537.258.895.846

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Công Sơn
*Kế toán trưởng*Nguyễn Thế Kỷ
*Tổng Giám đốc**Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần S.P.M**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.310.117.346	32.224.671.501
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.979.486.319	7.448.011.159
Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư	05		(2.632.473.308)	(147.882.571)
Chi phí lãi vay	06		3.825.502.560	2.690.596.186
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		54.482.632.917	42.215.396.275
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(10.884.846.607)	(25.900.492.422)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.218.666.199)	(13.827.812.665)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		1.232.252.919	16.541.456.014
			41.611.373.030	19.028.547.202
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.825.502.560)	(2.690.596.186)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(6.115.313.915)
Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh	20		37.785.870.470	10.222.637.101
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(129.223.810.709)	(10.629.138.393)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		172.125.000	-
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(117.691.725.845)	-
Các khoản cho vay và ký quỹ có thời hạn			(125.619.941.000)	-
Tiền thu đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	1.965.000.000
Tiền thu lãi cho vay	27		2.782.264.708	147.882.571
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(369.581.087.846)	(8.516.255.822)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần S.P.M**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ hoạt động góp vốn	31		250.885.368.500	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		102.862.225.746	122.824.114.040
Nhận vốn góp từ các bên khác cho Dự án Long Trường			168.150.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.570.308.230)	(126.005.962.906)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động tài chính	40		330.327.286.016	(3.181.848.866)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.467.931.360)	(1.475.467.587)
Tiền đầu kỳ	60		3.184.008.783	2.036.785.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(30.911.981)	-
Tiền cuối kỳ	70	3	1.685.165.442	561.318.309

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Công Sơn
*Kế toán trưởng*Nguyễn Thế Kỷ
*Tổng Giám đốc**Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần S.P.M (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm; sản xuất dược phẩm; cho thuê kho bãi, văn phòng; cho thuê nhà kho; kinh doanh dược phẩm; kinh doanh căn hộ; kinh doanh thiết bị y tế; khai thác kim loại, đá, cát, sỏi, quặng đất sét; sản xuất và kinh doanh thực phẩm chức năng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 248 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 239 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*. Báo cáo tài chính giữa niên độ được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái vào ngày 15 tháng 10 năm 2009. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – *Ảnh hưởng của việc Thay đổi Tỷ giá Hối đoái*, sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đối với báo cáo tài chính của Công ty.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 46 năm.

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(iii) Bản quyền sáng chế

Chi phí mua lại bản quyền sáng chế được vốn hóa thành tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh thuốc và một bộ phận địa lý trọng yếu là Việt Nam.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	185.335.608	65.310.353
Tiền gửi ngân hàng	1.029.829.834	3.118.698.430
Tiền đang chuyển	470.000.000	-
	1.685.165.442	3.184.008.783

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 149 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 236 triệu VNĐ).

4. Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng	10.000.000.000	-
Cho các bên khác vay	116.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	380.059.000
	126.000.000.000	380.059.000

5. Phải thu khách hàng

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải thu thương mại từ bên liên quan	107.940.851.841	115.918.019.329
Phải thu thương mại từ bên thứ ba	12.915.149.699	5.204.732.805
	120.856.001.540	121.122.752.134

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng đang chuyển	4.090.757.820	1.359.703.538
Nguyên vật liệu	21.258.206.656	19.503.539.478
Sản phẩm dở dang	6.637.834.172	7.794.632.385
Thành phẩm	1.081.179.416	1.191.436.464
	33.067.978.064	29.849.311.865
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(454.165.581)	(454.165.581)
	32.613.812.483	29.395.146.284

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	69.867.569.642	117.837.122.226	999.814.840	323.060.217	189.027.566.925
Tăng trong kỳ	142.848.476	1.387.138.001	-	-	1.529.986.477
Thanh lý	-	(371.442.000)	-	-	(371.442.000)
Số dư cuối kỳ	70.010.418.118	118.852.818.227	999.814.840	323.060.217	190.186.111.402
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.223.038.497	31.787.989.784	766.605.459	208.753.224	39.986.386.964
Khấu hao trong kỳ	1.495.161.381	6.145.903.339	74.940.760	17.004.006	7.733.009.486
Thanh lý	-	(49.525.600)	-	-	(49.525.600)
Số dư cuối kỳ	8.718.199.878	37.884.367.523	841.546.219	225.757.230	47.669.870.850
Giá trị còn lại					
Số dư cuối kỳ	61.292.218.240	80.968.450.704	158.268.621	97.302.987	142.516.240.552
Số dư đầu kỳ	62.644.531.145	86.049.132.442	233.209.381	114.306.993	149.041.179.961

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.411 triệu VNĐ đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.153 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 42.765 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 83.027 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Bản quyền sáng chế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	7.281.897.278	48.078.900	-	7.329.976.178
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	885.440.000	885.440.000
Số dư cuối kỳ	7.281.897.278	48.078.900	885.440.000	8.215.416.178
Phân bổ lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.270.209.531	-	-	1.270.209.531
Phân bổ trong kỳ	79.151.052	8.013.150	7.378.667	94.542.869
Số dư cuối kỳ	1.349.360.583	8.013.150	7.378.667	1.364.752.400
Giá trị còn lại				
Số dư cuối kỳ	5.932.536.695	40.065.750	878.061.333	6.850.663.778
Số dư đầu kỳ	6.011.687.747	48.078.900	-	6.059.766.647

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	153.381.445.662
Tăng trong kỳ	127.693.824.232
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(885.440.000)
Số dư cuối kỳ	280.189.829.894

Trong kỳ, khoản chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 1.702 triệu VNĐ (2009: Không).

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****10. Đầu tư dài hạn**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác vào:		
▪ Công ty Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	6.750.000.000	6.750.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Bắc	2.750.000.000	2.750.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	2.025.000.000	2.025.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Hà Land	20.111.030.000	-
▪ Dự án khu đất đường Nguyễn Duy Trinh	65.030.695.845	-
▪ Dự án mỏ đá xây dựng tại Hà Tĩnh	10.000.000.000	-
▪ Dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	15.000.000.000	-
▪ Công ty Dịch vụ Cơ điện – Thương mại Hữu Nghị	7.000.000.000	-
▪ Công ty Du lịch và Khoáng sản Mỹ Kim	550.000.000	-
	129.216.725.845	11.525.000.000

11. Vay ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản vay ngắn hạn từ		
Khoản vay 1 vay từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (a)	25.680.103.726	24.006.093.134
Khoản vay 2 vay từ Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch (b)	800.000.000	21.168.574.977
Khoản vay 3 vay từ Ngân hàng Sài Gòn Thương tín (c)	5.723.944.341	-
Khoản vay 4 vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ (d)	6.699.790.066	2.667.473.724
Khoản vay 5 vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây	-	24.812.737.190
Khoản vay 6 vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quận 5	-	54.957.041.592
	38.903.838.133	127.611.920.617

- a. Khoản vay này, có gốc bằng Đô la Mỹ, được Ông Đào Hữu Hoàng bảo lãnh bằng 1.500.000 Đô la Mỹ và được thế chấp bằng các hợp đồng hàng tồn kho và hợp đồng/giấy chứng nhận bảo hiểm hàng tồn kho tại nhà kho có giá trị tối thiểu là 1.500.000 Đô la Mỹ (2009: 1.500.000 Đô la Mỹ). Trong kỳ, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 11,50% (2009: 5,58% đến 12,00%) trong kỳ.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

- b. Khoản vay này không có bảo đảm, chịu lãi suất tháng cố định 1,26% (2009: 1,20%) trong kỳ và được hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày được yêu cầu thanh toán.
- c. Khoản vay này không có bảo đảm và có hạn mức 15 tỷ VNĐ. Trong kỳ, khoản vay này chịu lãi suất năm là 13,00%.
- d. Khoản vay này có hạn mức là 70 tỷ VNĐ (2009: 2,7 tỷ VNĐ) và chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 13,50% (2009: 10,32% đến 10,50%) trong kỳ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 42.765 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3.773 triệu VNĐ).

12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	4.784.972.540	2.039.373.675
Thuế nhập khẩu	157.202.960	69.204.966
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.140.822.155	2.691.772.738
Thuế thu nhập cá nhân	188.674.940	90.523.750
Thuế khác	1.000.000	-
	9.272.672.595	4.890.875.129

13. Phải trả khác

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý	275.706.791	275.706.791
Bảo hiểm y tế và xã hội	145.269.959	132.487.423
Cổ tức phải trả	443.743.750	4.191.460.600
Phải trả khác cho các bên liên quan	-	2.708.711.150
Phải trả khác (*)	227.494.417.320	60.988.741.058
	228.359.137.820	68.297.107.022

(*) Các khoản phải trả khác gồm các khoản ứng trước từ Công ty Sông Đà là 168.150 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: Không); Bà Chu Thị Thu Phương là 44.513 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 44.513 triệu VNĐ) và Bà Đỗ Thị Hằng là 11.240 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 15.240 triệu VNĐ) là những cổ đông của dự án phát triển căn hộ tại Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****14. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động của các khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	167.623.220
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(8.483.500)
Số dư cuối kỳ	159.139.720

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã góp 29 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009: 23 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành cổ phiếu	14.000.000	140.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phần phát hành trong kỳ	4.000.000	40.000.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	14.000.000	140.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vào tháng 3 năm 2010, Công ty đã phát hành 4.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện có và các cổ đông mới. Các khoản thu này thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá là 210.885.368.500 VNĐ và được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần trong mục vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 các cổ đông của Công ty gồm:

	Đã góp		
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	%
Ông Đào Hữu Hoàng	5.365.830	53.658.300.000	38,33%
Bà Đỗ Thị Mai	1.000.000	10.000.000.000	7,14%
Amersham Industries Limited	600.000	6.000.000.000	4,29%
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	577.075	5.770.750.000	4,12%
Công ty Quản lý quỹ VietFun Management	520.000	5.200.000.000	3,71%
Vietnam Dragon Fund	500.000	5.000.000.000	3,57%
Các cổ đông khác	5.437.095	54.370.950.000	38,84%
	14.000.000	140.000.000.000	100%

16. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	71.712.689.169	142.426.006.622	62.034.421.857	101.669.756.827
▪ Bán hàng hóa	11.742.946.704	20.670.303.354	9.374.518.036	15.395.961.527
▪ Dịch vụ	436.363.636	872.727.272	-	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Hàng bán bị trả lại	(3.275.414.026)	(4.167.785.386)	(1.694.069.345)	(2.743.609.243)
Doanh thu thuần	80.616.585.483	159.801.251.862	69.714.870.548	114.322.109.111

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****17. Giá vốn hàng bán**

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán của				
▪ Thành phẩm đã bán	40.980.682.788	82.274.336.186	33.431.605.608	56.082.089.018
▪ Hàng hóa đã bán	10.701.990.610	18.164.228.171	8.565.697.316	13.899.238.118
	51.682.673.398	100.438.564.357	41.997.302.924	69.981.327.136

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Lãi tiền gửi	2.584.988.898	2.782.264.708	127.833.769	147.882.571
Lãi chênh lệch tỷ giá	185.079.441	198.164.487	3.740.166	16.464.345
	2.770.068.339	2.980.429.195	131.573.935	164.346.916

19. Chi phí hoạt động tài chính

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	908.701.780	3.825.502.560	1.299.032.082	2.690.596.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá	441.267.193	2.806.613.138	1.117.627.886	1.511.914.277
	1.349.968.973	6.632.115.698	2.416.659.968	4.202.510.463

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****20. Thu nhập khác**

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	172.125.000	172.125.000	-	-
Thu từ các khoản bồi thường	35.095.670	77.599.626	24.455.025	24.455.025
Thu nhập khác	28.624.421	138.216.676	88.206.616	132.163.748
	235.845.091	387.941.302	112.661.641	156.618.773

21. Chi phí khác

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	321.916.400	321.916.400	-	-
Chi phí khác	25.624.510	27.948.990	232.917.139	430.430.877
	347.540.910	349.865.390	232.917.139	430.430.877

Công ty Cổ phần S.P.M

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	23.562.975.832	45.310.117.346	19.071.168.243	32.224.671.501
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.890.743.958	11.327.529.337	4.767.792.061	8.056.167.875
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.753.033	39.109.905	-	-
Ảnh hưởng của ưu đãi về thuế	(5.421.887.263)	(9.917.589.826)	(3.337.454.443)	(5.639.317.512)
	483.609.728	1.449.049.416	1.430.337.618	2.416.850.363

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh và mức thuế thông thường (hiện tại là 25%) trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Năm 2004 là năm đầu Công ty hoạt động có lợi nhuận.

Ngoài ra, trong năm 2008, Công ty đã đầu tư một dự án mở rộng sản xuất “Xây dựng nhà máy dược phẩm mới” và dự án này được đưa vào sử dụng vào năm 2009. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm đầu và được giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo tính theo lợi nhuận thu được từ dự án này. Năm 2009 là năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế của dự án này.

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2009/TT-BTC về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), trong đó các doanh nghiệp vừa và nhỏ được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành trong 2009. Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC, Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009.

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông	23.079.366.104	43.861.067.930	17.640.830.625	29.807.821.138

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	14.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu vào tháng 3 năm 2010	-	2.266.667	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	14.000.000	12.266.667	10.000.000	10.000.000

Công ty Cổ phần S.P.M**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa kỳ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được nêu trong các thuyết minh khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Công ty Dược phẩm Đô Thành		
Bán thành phẩm	150.454.334.194	110.834.908.724
Cung cấp dịch vụ	872.727.272	-
Thu lãi từ cho vay	1.967.333.334	-
Cho Công ty Dược phẩm Đô Thành vay	72.000.000.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Cho Công ty vay	950.000.000	-
Vay từ Công ty	4.000.000.000	-
Tạm ứng từ Công ty	3.519.688.417	-
Lương, thưởng	405.571.000	325.650.000

Công ty Dược phẩm Đô Thành là công ty cùng chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn nhất của Công ty.

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	43.354.006.658	85.352.272.795	35.963.524.366	55.095.634.274
Chi phí nhân công và nhân viên	3.155.535.830	5.423.898.530	2.284.438.830	4.309.073.067
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.880.323.278	7.827.552.355	3.794.828.369	7.448.011.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	7.972.147.432	12.273.800.235	6.195.569.209	10.932.743.459

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Công Sơn
*Kế toán trưởng*Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc